

Phát triển chương trình đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam phù hợp công ước STCW 78/10 - sửa đổi tại Manila năm 2010

Nguyễn Đức Ca¹, Đinh Văn Thái²

¹ Email: nguyenducca.21.05.2018@gmail.com

² Email: dinhvanthai@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Phát triển chương trình đào tạo là một quá trình liên tục. Phát triển chương trình đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam phù hợp với Công ước STCW 78/10 - sửa đổi tại Manila năm 2010 có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực hàng hải, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội nói chung và nền kinh tế hàng hải nói riêng ở Việt Nam. Tác giả bài viết tập trung tìm hiểu lý thuyết về phát triển chương trình đào tạo, qua đó đề xuất quy trình phát triển chương trình đào tạo cho ngành Hàng hải và đưa ra một số kiến nghị về công tác phát triển chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam.

TỪ KHÓA: Phát triển chương trình đào tạo; ngành Hàng hải; Công ước.

→ Nhận bài 12/01/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 15/02/2019 → Duyệt đăng 25/03/2019.

1. Đặt vấn đề

Tháng 7 năm 1978, Tổ chức Hàng hải thế giới lần đầu tiên trong lịch sử thông qua “Công ước Tiêu chuẩn huấn luyện, cấp bằng và trực ca (STCW)”. Cùng với sự tiến bộ của khoa học công nghệ và yêu cầu phát triển của ngành Công nghiệp Vận tải biển, Công ước đã trải qua nhiều lần sửa đổi. Sửa đổi Phụ lục STCW vào năm 1995 là lần sửa đổi lớn và toàn diện, đồng thời bổ sung văn bản mới là Bộ luật STCW95 (STCW95 Code). Những năm đầu của thập niên thứ nhất thế kỷ XXI, ngành Hàng hải trên toàn thế giới phải đương đầu với nhiều thách thức mới: Tàu biển hiện nay đang phát triển theo xu hướng trọng tải ngày càng lớn, tốc độ ngày càng cao, chuyên dụng hóa, hiện đại hóa, công nghệ thông tin được áp dụng ngày càng rộng rãi. Sự gian lận, phi pháp trong việc cấp chứng chỉ chuyên môn giả mạo cho thuyền viên và sự tuân thủ Công ước của các bên đối với Công ước. Kỹ năng quản lý của thuyền viên về nguồn lực trên tàu. Các nhân tố về con người (hiểu biết lẫn nhau), chống mệt mỏi ... Tai nạn sự cố/yếu tố con người và nạn cướp biển vũ trang đang hoành hành với mức độ đáng lo ngại, đòi hỏi thuyền viên phải được huấn luyện đầy đủ kiến thức để đối phó hiệu quả. Một mặt, nhu cầu về nguồn nhân lực hàng hải vẫn rất cao và ngày càng tăng. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi tiêu chuẩn đào tạo và huấn luyện thuyền viên và trực ca phải được xem xét toàn diện, bổ sung và nâng cao. “Sửa đổi Manila” năm 2010 ra đời trong bối cảnh đó có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2012, gọi là Công ước STCW78/10.

Thông báo số 242-TB/TW kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII) và phương hướng phát triển giáo dục (GD) và đào tạo đến năm 2020 đã chỉ rõ: Chương trình (CT), giáo trình chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa; nhà trường chưa gắn chặt với đời

sống xã hội và lao động nghề nghiệp. Thực trạng lạc hậu về chương trình đào tạo (CTĐT) là khó tránh khỏi. Chính vì một số lý do nêu trên nên việc “Phát triển CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam phù hợp Công ước STCW 78/10 - Sửa đổi tại Manila năm 2010” là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về chương trình đào tạo

Theo Từ điển GD học (NXB Từ điển Bách khoa 2001), khái niệm CTĐT được hiểu là: “Văn bản chính thức quy định mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng, cấu trúc tổng thể các bộ môn, kế hoạch lên lớp và thực tập theo từng năm học, tỉ lệ giữa các bộ môn, giữa lý thuyết và thực hành, quy định phương thức, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, chứng chỉ và văn bằng tốt nghiệp của cơ sở GD và đào tạo”.

Theo Luật GD 2005, CT GD được quy định theo Điều 6, Chương I là: “CT GD thể hiện mục tiêu GD, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung GD, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động GD, cách thức đánh giá kết quả GD đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hay trình độ đào tạo”. Theo các bậc học và loại hình GD, Luật GD 2005 cũng quy định cụ thể về CT GD (CT khung) cho các bậc học và loại hình GD.

2.2. Khái niệm về phát triển chương trình đào tạo

Qua nghiên cứu các tài liệu tham khảo, tác giả cho rằng, phát triển CTĐT là quá trình liên tục nhằm làm hoàn thiện CTĐT. Như vậy, theo cách định nghĩa này, phát triển CTĐT bao hàm cả việc biên soạn hay xây dựng một CT mới hoặc cải tiến một CTĐT hiện có. Bên cạnh đó, chúng ta sử dụng thuật ngữ “phát triển” CTĐT thay cho từ “xây dựng”,

“thiết kế” hay “biên soạn” CTĐT, vì “phát triển” bao hàm cả sự thay đổi, bổ sung liên tục. Phát triển là một chu trình mà điểm kết thúc sẽ lại là điểm khởi đầu, kết quả là một CTĐT mới và ngày càng hoàn thiện hơn. Các khái niệm khác chỉ có ý nghĩa là một quá trình và kết quả dừng lại khi chúng ta có một CTĐT mới.

2.3. Các cách tiếp cận phát triển chương trình đào tạo

2.3.1. Tiếp cận nội dung (Content Approach)

Với quan niệm GD là quá trình truyền thụ nội dung - kiến thức, CTĐT chú trọng trang bị cho người học hệ thống tri thức, kĩ năng cơ bản. Cách tiếp cận này tạo điều kiện hình thành ở người học hệ thống các tri thức khoa học đầy đủ song dễ gây hiện tượng dạy học thụ động, quá tải, nặng về ghi nhớ, không phù hợp với sự phát triển nhanh chóng về khoa học và công nghệ hiện nay.

2.3.2. Tiếp cận mục tiêu (Objective Approach)

CT thể hiện cả quá trình đào tạo (mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình, đánh giá) và chú trọng kết quả đầu ra (mục tiêu) của quá trình đào tạo. Ưu điểm cơ bản của cách tiếp cận này là tạo sự tường minh và quy trình chặt chẽ, quy chuẩn của cả quá trình đào tạo, dễ kiểm tra, đánh giá nhưng cũng có nhược điểm là tạo ra sự cứng nhắc, khuôn mẫu, đồng nhất trong quá trình đào tạo, chưa quan tâm đến tính đa dạng và nhiều khác biệt của các nhân tố trong quá trình đào tạo như người học, môi trường văn hoá - xã hội

2.3.3. Cách tiếp cận phát triển (Developmental Approach)

Trên cơ sở quan niệm “CT là một quá trình và GD là sự phát triển”, GD là quá trình học tập suốt đời (không chỉ đơn thuần vì một mục đích cuối cùng cụ thể nào) và phải góp phần phát triển tối đa mọi năng lực tiềm ẩn trong mỗi con người, do đó CTĐT phải chú trọng đến sự phát triển hiểu biết và năng lực, đến nhu cầu, lợi ích, định hướng giá trị ở người học hơn là truyền thụ nội dung kiến thức đã được xác định trước hay tạo nên sự thay đổi hành vi nào đó ở người học. Nhược điểm là có những khó khăn khi tổ chức thực hiện do tính đa dạng về sở thích, khả năng, nhu cầu của người học và những hạn chế về các điều kiện đào tạo (phương tiện, tài liệu).

2.3.4. Cách tiếp cận hệ thống (System Approach)

Theo quan niệm CT là bản thiết kế tổng thể quá trình đào tạo từ khâu đầu vào (tuyển chọn) đến khâu cuối (kết thúc khóa học) với một hệ thống các hoạt động đào tạo theo một trình tự chặt chẽ, kết hợp và tác động qua lại lẫn nhau nhằm thực hiện các nội dung và đạt được mục tiêu cụ thể trong các giai đoạn của quá trình đào tạo. Tiếp cận hệ thống cho phép thiết kế và xây dựng các CTĐT có tính hệ thống, chặt chẽ và logic cao, làm rõ vai trò, vị trí, tác dụng của từng khâu, từng nội dung CTĐT, đồng thời bảo đảm mối liên hệ, tác động qua lại giữa các thành tố của CT.

2.4. Mục tiêu và hệ mục tiêu giáo dục

2.4.1. Khái niệm về mục tiêu

Theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng, thuật ngữ “Mục tiêu” được giải nghĩa là *cái “đích” hướng tới của các hoạt động*. Do các hoạt động đều diễn ra theo một quá trình nhất định với nhiều giai đoạn trung gian nên mục tiêu không chỉ đơn thuần là đích tận cùng, mục tiêu còn là những điểm mốc tham chiếu (trung gian) dùng để đánh giá sự tiến triển và để xác định xem hoạt động có đi đúng hướng hay không. Không có mục tiêu rõ ràng, tường minh, chúng ta không thể đánh giá mức độ thành công của hoạt động và cũng không thể nhận biết được hoạt động có đi chệch hướng hay không, chệch đến mức nào và làm thế nào để điều chỉnh cho đúng hướng.

2.4.2. Hệ mục tiêu giáo dục

Theo từ điển GD học (NXB Từ điển Bách khoa 2001), khái niệm *mục tiêu GD* được định nghĩa là: *“Mô hình nhân cách có tính định chuẩn của cả hệ thống GD quốc dân hay của từng phân hệ GD được xác định trên cơ sở những yêu cầu của xã hội về người công dân, về nguồn nhân lực”*. Hoạt động GD tương ứng với từng giai đoạn phát triển của đời sống của từng cá nhân trong xã hội từ tuổi ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành được định hướng và xác lập bằng hệ thống các mục tiêu GD tổng quát và các mục tiêu trung gian (hệ mục tiêu GD). Đó là một *“hệ mục tiêu GD”* từ định hướng, mục đích GD chung đến mục tiêu từng bậc học, loại hình đào tạo, mục tiêu từng khóa đào tạo, mục tiêu từng môn học, phần học và mục tiêu từng bài học (xem Hình 1). Trên cơ sở mục tiêu GD chung (hay còn gọi là mục đích GD), Luật GD cũng đã xác định rõ mục tiêu GD của từng bậc học, từng loại hình GD.

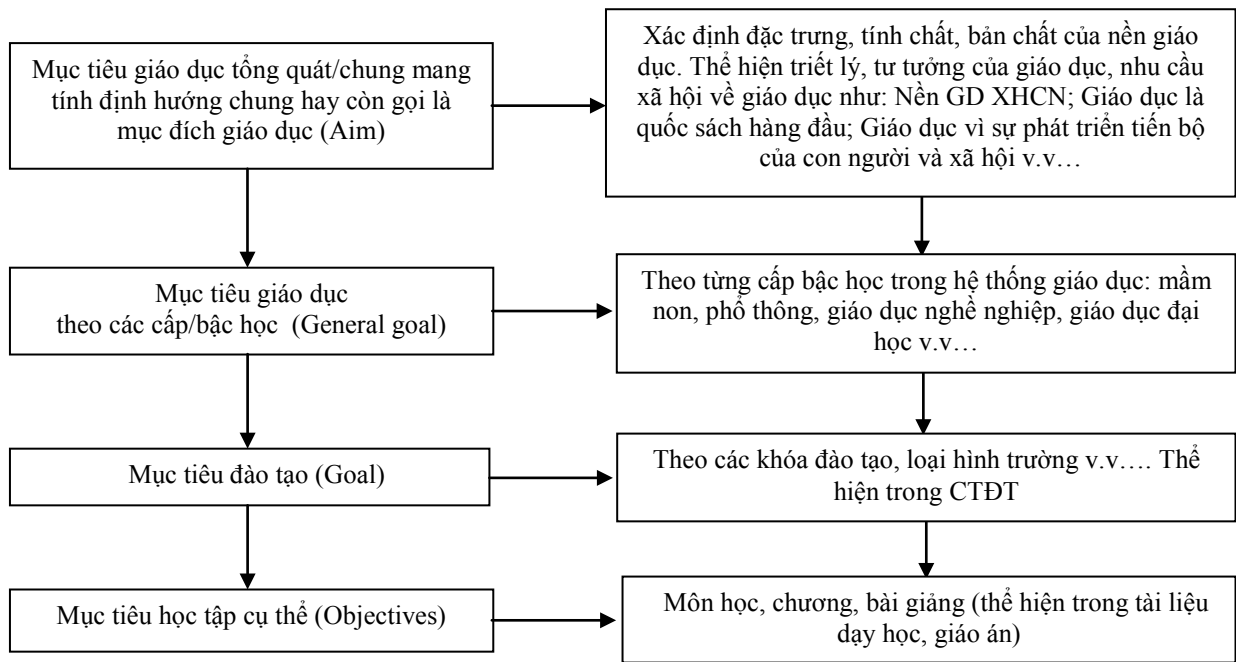
Điều 33 của Luật GD năm 2005 đề cập đến mục tiêu của GD nghề nghiệp; trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề. *Điều 35 của Luật GD năm 2005* xác định mục tiêu GD đại học và sau đại học.

Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên sẽ thiết kế mục tiêu từng bài giảng cụ thể, đó là các thành phần mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ sẽ chuyển hóa lẫn nhau, tạo ra cho người học một vốn tri thức phong phú, vững chắc và các kĩ năng vận dụng thích ứng với các tình huống trong thực tiễn, tạo ra động cơ học tập đúng đắn (xem Hình 2).

Đây là những mục tiêu khách quan mà người học phải đạt tới dưới sự hướng dẫn, trợ giúp của giáo viên trong toàn bộ quá trình dạy học. Chỉ có xác định một cách đúng đắn, rõ ràng mục tiêu đào tạo và mục tiêu của từng môn học, phần học và từng bài học thì người giáo viên mới có cơ sở định hướng lựa chọn nội dung và các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức thích hợp cho từng nội dung bài giảng kể cả phương pháp đánh giá kết quả học tập.

2.5. Quy trình phát triển chương trình đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam

Các nghiên cứu về vấn đề phát triển CTĐT ở Việt Nam trong thời gian qua có thể tóm tắt như sau: *Trong nghiên*



Hình 1: Hệ mục tiêu GD



Hình 2: Sơ đồ cấu trúc tam giác mục tiêu

cứu lý thuyết vấn đề phát triển CTĐT hiện nay (một số nhà nghiên cứu tiêu biểu ngoài nước như Hilda Taba, John Dewey, Jon Wiles, Joseph Bondi..., ở trong nước có Lâm Quang Thiệp, Lê Việt Khuyến, Trần Khánh Đức, Nguyễn Đức Chính ...), đa số các nhà nghiên cứu đã ủng hộ quan điểm *tiếp cận phát triển và tiếp cận hệ thống*, gắn với quan niệm “*người học là trung tâm*”. Khi đó, CTĐT không phải là một công thức bất biến mà theo thời gian, cùng với thay đổi của yêu cầu xã hội, CTĐT cũng cần thay đổi cho phù hợp. Theo cách tiếp cận CDIO (CDIO được viết tắt của cụm từ tiếng Anh: *Conceive – Design – Implement - Operate*, có nghĩa là: *Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành*, khởi nguồn từ Viện Công nghệ MIT- Hoa Kỳ) đang được một số nhà trường ở Việt Nam áp dụng. Theo Võ Văn Thắng (2010), “*CDIO có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau ngoài ngành đào tạo kỹ sư, bởi lẽ nó đảm bảo khung kiến thức và kỹ năng, chẳng hạn áp dụng cho khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh ...*”. Lợi ích chính khi áp dụng theo CDIO là mang lại sự gắn kết được các cơ sở đào tạo với yêu cầu của người tuyển dụng, giúp người học phát triển toàn diện, nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi.

Việc phát triển, cập nhật (mới) CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam phải được thực hiện là một tất yếu khách quan, nhằm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của lĩnh vực Hàng hải Việt Nam. Từ những phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng: Phát triển CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam là một quá trình bao gồm các bước cơ bản: Phân tích bối cảnh và nhu cầu đào tạo, thiết kế CTĐT, thử nghiệm và đánh giá CTĐT. Cụ thể nội dung các bước như sau:

2.5.1. Phân tích bối cảnh và nhu cầu đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam

CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam cần được xây dựng (chỉnh sửa, bổ sung) phù hợp với đặc điểm về thể chế chính trị và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, truyền thống văn hoá ... của Việt Nam, những yêu cầu về “Sửa đổi Manila” năm 2010 (gọi là Công ước STCW78/10) và xu hướng phát triển của thời đại về khoa học hàng hải, đồng thời phải thể hiện sự tiếp tục, kế thừa và phát triển CTĐT ngành Hàng hải đã có (GD - đào tạo là một quá trình có sự tiếp nối lịch sử trong từng giai đoạn phát triển). Do đó, cần phân tích bối cảnh và nhu cầu đào tạo ngành Hàng hải (theo bậc học và ngành đào tạo Hàng hải) làm cơ sở để xây dựng mục tiêu và thiết kế cấu trúc, nội dung CT. Với đào tạo nghề Hàng hải, cần khảo sát, xây dựng *đặc điểm chuyên môn nghề Hàng hải, phân tích công việc của nghề Hàng hải* và nhu cầu nguồn nhân lực hàng hải của thị trường lao động (trong và ngoài nước) để làm cơ sở thiết kế CTĐT nghề Hàng hải cụ thể và phù hợp.

2.5.2. Thiết kế chương trình đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam

a. Xác định mục tiêu đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam
- Đào tạo, huấn luyện theo các hình thức khác nhau đối với nguồn nhân lực hàng hải Việt Nam đảm bảo chất lượng,

và theo hướng bảo đảm cân đối giữa đào tạo lí thuyết với huấn luyện thực hành, đồng thời đáp ứng những yêu cầu sửa đổi của “Công ước STCW78/10”, tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo, huấn luyện nhằm đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực hàng hải đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển nói chung và kinh tế hàng hải nói riêng.

- Cung cấp đủ lực lượng lao động (qua đào tạo) làm việc trong các lĩnh vực của ngành Hàng hải và các ngành liên quan khác của kinh tế biển như dầu khí, thủy sản, du lịch, nghiên cứu biển, khảo sát và thăm dò tài nguyên biển; tăng nhanh số lượng thuyền viên và những người lao động khác (qua đào tạo) thuộc ngành Hàng hải xuất khẩu làm việc ở nước ngoài phù hợp với nhu cầu trong từng giai đoạn.

b. Xác định nội dung đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam

Khái niệm về nội dung đào tạo: Nội dung đào tạo “là tập hợp có hệ thống tri thức văn hoá - xã hội, khoa học - công nghệ, các kĩ năng lao động nghề nghiệp chung và chuyên biệt cùng những yêu cầu, chuẩn mực về ý thức, thái độ nghề nghiệp nhằm hình thành và phát triển nhân cách nghề nghiệp”. Nội dung đào tạo bao gồm hệ thống tri thức và kĩ năng cùng các chuẩn mực giá trị xã hội. Hệ thống tri thức bao gồm các thành tố cơ bản sau (xem Hình 3):

- *Tri lí*: Các quy luật, nguyên lí, khái niệm khoa học....
- *Tri sự*: Các hiểu biết về các sự kiện, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, thực tiễn cuộc sống
- *Tri hành*: Các tri thức hướng dẫn hành động như quy trình, hướng dẫn, các chuẩn mực
- *Tri nhân*: Hiểu biết về con người, quan hệ xã hội, hệ thống giá trị



Hình 3: Cơ cấu các thành tố tri thức

Hệ thống các kĩ năng bao gồm:

- *Các kĩ năng tư duy*: Phân tích; tổng hợp; so sánh; khái

quát; dự đoán; chuẩn đoán ...

- *Các kĩ năng thực hành & tác nghiệp*: Thiết kế; vận hành; sửa chữa; thí nghiệm, giải quyết vấn đề ...

- *Các kĩ năng giao tiếp*: Sử dụng ngôn ngữ; tiếp xúc; hướng dẫn; trình bày ...

- *Các kĩ năng thông tin*: Thu thập; lựa chọn; xử lí thông tin ...

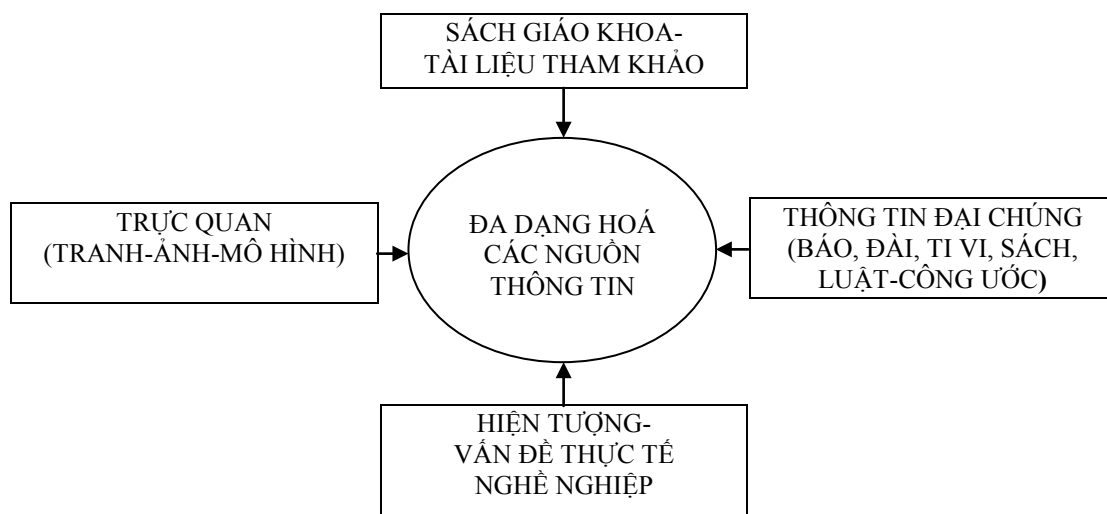
- *Các kĩ năng quản lí*: Lập kế hoạch; tổ chức chỉ đạo; phối hợp; kiểm tra và đánh giá. Các kĩ năng này được hình thành và phát triển thông qua quá trình đào tạo và hành nghề thực tế.

Nội dung đào tạo được thể hiện cụ thể trong CTĐT theo bậc học, ngành đào tạo. CTĐT thể hiện: “*Mục tiêu GD - đào tạo; Quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung GD - đào tạo; phương pháp và hình thức đào tạo; Cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành và trình độ đào tạo, bảo đảm yêu cầu liên thông với các CT GD - đào tạo khác*” (Luật GD 2005, Điều 35).

Nội dung CTĐT cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu (cả về hệ thống tri thức lí thuyết cũng như kĩ năng thực hành) bảo đảm mối liên hệ và tính logic của các nội dung đào tạo, bồi dưỡng sát với thực tiễn sản xuất, dịch vụ; Đa dạng hóa các nguồn thông tin về nội dung đào tạo (xem Hình 4).

Nội dung đào tạo ngành Hàng hải Việt Nam phù hợp Công ước STCW78/10 sửa đổi tại Manila năm 2010

Nội dung đào tạo được thể hiện trong CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam (bản cũ) trước năm 2010. Trên cơ sở CTĐT (bản cũ), chúng tôi *phát triển, chỉnh sửa, bổ sung* những nội dung để phù hợp theo yêu cầu của “*Công ước STCW78/10 sửa đổi tại Manila năm 2010*”. Những sửa đổi của “*Công ước STCW78/10*” mà chúng tôi phải cập nhật, bổ sung “*nội dung đào tạo*” vào các học phần/môn học hoặc mô đun có liên quan của CTĐT “*phát triển mới*” tương ứng với các bậc đào tạo. Những nội dung phải cập nhật, bổ sung bao gồm 18 đề mục sau: (1) Chương I. Các Quy định chung. (2) Quy định I/1 - Định nghĩa và giải thích (Quy định này bổ sung một số chức danh, khái niệm mới). (3) Xác định các



Hình 4: Các kênh thông tin để xây dựng nội dung đào tạo

chứng chỉ trong văn kiện STCW78/10 sửa đổi (gồm 3 cấp). (4) Quy định I/2-Giấy chứng nhận và chứng thực. (5) Quy định I/2-12÷16. (6) Quy định I/3 (Làm rõ hơn các yêu cầu của hành trình gần bờ). (7) Quy định I/5-Các quy định của quốc gia. (8) Quy định I/6- Đào tạo, Huấn luyện và đánh giá. (9) Quy định I/7- Trao đổi thông tin. (10) Quy định I/7 khoản 3.2. (11) Mục A - I/7 (chia làm 4 phần). (12) Quy định I/8-Tiêu chuẩn chất lượng. (13) Quy định I/9 - Tiêu chuẩn sức khỏe. (14) Quy định I/11 - Cấp mới giấy chứng nhận (A- I/11 - Điều kiện cấp mới giấy chứng nhận). (15) Quy định I/12 - Sử dụng thiết bị mô phỏng. (16) Quy định I/14 -Trách nhiệm công ty. (17) Mục B - I/14 - Hướng dẫn trách nhiệm của công ty và kiến nghị trách nhiệm đối với thuyền trưởng và thuyền viên. (18) Quy định I/15 - Điều khoản chuyển tiếp (Trên cơ sở các điều khoản bản sửa đổi 1995, trong bản sửa đổi mới chỉ thay đổi năm, tháng).

c. Lập kế hoạch đào tạo

CTĐT chuyên ngành Hàng hải được thực hiện theo các môn học/học phần hoặc các mô đun với quỹ thời gian và quy trình xác định toàn khóa, nên cần lập kế hoạch đào tạo, huấn luyện trong đó xác định rõ các môn học/học phần hoặc các mô đun và các hoạt động trong khuôn khổ của CTĐT, trình tự các môn học và phân phối thời gian chi tiết cho từng giai đoạn (lớp, học kì, năm học ..).

d. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo ngành Hàng hải

Hướng dẫn thực hiện CTĐT ngành Hàng hải bao gồm một số nội dung chính sau: 1/ Hướng dẫn thi tốt nghiệp (Các yêu cầu về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được nêu cụ thể trong từng CTĐT ngành Hàng hải theo các bậc và loại hình đào tạo); 2/ Xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động GD ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu GD toàn diện: Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, có thể bố trí tham quan một số công ty vận tải thủy phù hợp với ngành nghề đào tạo; Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa; 3/ Kế hoạch và hình thức đào tạo: Trên cơ sở số môn học/học phần hoặc mô đun trong CTĐT các Cơ sở đào tạo chuyên ngành Hàng hải, tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung CTĐT được phê duyệt; Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong CTĐT đã được phê duyệt.

2.5.3. Thử nghiệm và đánh giá chương trình đào tạo ngành Hàng hải

Hiện tại, chúng tôi chọn thí điểm thử nghiệm tiến hành đào tạo, huấn luyện theo CTĐT ngành Hàng hải đã được thiết kế - phát triển - sửa đổi theo yêu cầu của Công ước STCW 78/10 sửa đổi tại Manila năm 2010 tại Thành phố Hải Phòng cho các cơ sở đào tạo, huấn luyện hàng hải, khóa học chưa kết thúc (bắt đầu từ năm 2013). Mặc dù chưa đủ các dữ liệu, điều kiện, kết quả đào tạo ... để đánh giá CTĐT

ngành Hàng hải phát triển mới, tuy nhiên, trong quá trình triển khai cho mỗi bước của quy trình phát triển CTĐT, chúng tôi đã tiến hành giám sát và đánh giá ngay từ đầu (đánh giá kết thúc mỗi bước). Vì vậy, có thể khẳng định rằng, CTĐT ngành Hàng hải được thiết kế - phát triển mới bảo đảm tính logic, khoa học và hi vọng sẽ có tính hiệu quả cao trong quá trình sử dụng.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Quá trình thiết kế CTĐT ngành Hàng hải (xây dựng mục tiêu, nội dung, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu và điều kiện bảo đảm ...) là quá trình thiết kế một *quy trình đào tạo* nghiêm ngặt trong một thời gian nhất định để cho ra một sản phẩm đào tạo nhất định (nhân cách được đào tạo). Điều quan trọng là trong mỗi bước của quy trình phải được giám sát và đánh giá ngay từ đầu. Có như vậy, CTĐT được thiết kế - phát triển mới bảo đảm tính logic, khoa học và tính hiệu quả cao khi đưa vào sử dụng.

Quá trình triển khai, chúng tôi đã tuân thủ đúng theo các bước thiết kế - phát triển CTĐT và đã được Bộ chủ quản đánh giá cao về tính logic, khoa học ... đối với việc phát triển một CTĐT, đồng thời CTĐT chuyên ngành Hàng hải được “thiết kế - phát triển” hoàn toàn đáp ứng những yêu cầu của “Công ước STCW 78/10 sửa đổi tại Manila năm 2010”. Chúng tôi hi vọng rằng, sau khi kết thúc một khóa đào tạo thử nghiệm theo CTĐT mới phát triển này sẽ có những đánh giá đầy đủ về tính “hiệu quả” của CT.

3.2. Kiến nghị

Qua việc nghiên cứu, thiết kế - phát triển CTĐT ngành Hàng hải Việt Nam, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

1/ *Phát triển CTĐT phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.* Thời gian qua, dư luận phản ánh việc các nhà trường đào tạo người học chưa đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, dẫn đến các doanh nghiệp, công ty phải đào tạo lại. Do đó, CTĐT phải thường xuyên được cập nhật, thay đổi, bổ sung nhằm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

2/ *Thống nhất cách hiểu các thuật ngữ khi phát triển CTĐT.* Một số thuật ngữ phổ biến cần được thống nhất như: CTĐT, phát triển CTĐT, CT khung, khung CT, mục tiêu, mục đích ... Phát triển CTĐT cần được xem là bộ tài liệu mà ở đó cần xác định: Mục tiêu đào tạo; khung CT; phương pháp đào tạo và đánh giá; mô tả các học phần và các hoạt động liên quan được thực hiện cả trong và ngoài nhà trường nhằm đáp ứng được các yêu cầu của thị trường lao động.

3/ *Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình phát triển CTĐT.* Khái niệm “phát triển CTĐT” xem việc xây dựng CT là một quá trình chứ không phải là một trạng thái hoặc một giai đoạn tách biệt của quá trình đào tạo. Đặc điểm của cách nhìn nhận này là luôn phải tìm kiếm các thông tin phản hồi ở tất cả các khâu về CTĐT để kịp thời điều chỉnh từng khâu của quá trình xây dựng và hoàn thiện CT nhằm không ngừng đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo.

4/ *Phát triển CTĐT cần tăng cường tính “mềm dẻo”*. Khi thực hiện việc phát triển CTĐT, phải để cho người trực tiếp điều phối thực thi CT và người dạy có được quyền chủ động điều chỉnh CTĐT trong phạm vi nhất định, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Tính “mềm dẻo” còn được hiểu là tạo cơ hội cho người học lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp, năng lực và sở thích cá nhân.

5/ *Tăng cường vai trò của “các nhà tuyển dụng”, các bên*

liên quan khác trong phát triển CTĐT. Các doanh nghiệp, công ty, các cơ sở sản xuất, kinh doanh (gọi tắt là “các nhà tuyển dụng”). Họ là những người được hưởng lợi từ đào tạo (sử dụng lao động qua đào tạo). Họ phải quan tâm đến việc phát triển CTĐT. Các bên liên quan khác, gồm những nhóm người sau: *Nhóm công tác phát triển CTĐT; giảng viên; cán bộ quản lý; người học*, các Cơ sở đào tạo cần phải phát huy tốt hơn nữa vai trò của những nhóm người này.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|---|
| <p>[1] <i>Luật Giáo dục Việt Nam</i>, (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[2] <i>Báo cáo của Chính phủ về tình hình giáo dục</i>, (2005), Hà Nội.</p> <p>[3] Nguyễn Đức Chính, (2008), <i>Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[4] Trần Khánh Đức, (2009), <i>Phát triển chương trình đào tạo</i>, Hà Nội.</p> <p>[5] <i>Công ước STCW 78/10</i>, (2010), Sửa đổi tại Manila năm 2010.</p> | <p>[6] Lâm Quang Thiệp, Lê Việt Khuyến, (2010), <i>Phát triển chương trình giáo dục - đào tạo đại học</i>, Sơn La.</p> <p>[7] Võ Văn Thắng, (2010), <i>Tiếp cận CDIO để nâng cao chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng ở Việt Nam</i>, Hội thảo xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai chương trình đào tạo theo mô hình CDIO, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>[8] R. Diamon, (2003), <i>Thiết kế và Đánh giá chương trình khóa học (Cẩm nang hữu dụng)</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> |
|--|---|

CURRICULUM DEVELOPMENT OF VIETNAM MARINE INDUSTRY IN ACCORDANCE WITH THE AMENDMENT OF THE CONVENTION STCW 78/10 IN MANILA IN 2010

Nguyen Duc Ca¹, Dinh Van Thai²

¹ Email: nguyenducca.21.05.2018@gmail.com

² Email: dinhvanthai@gmail.com

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Curriculum development is a continuous process. Curriculum development of Vietnam marine industry in accordance with the amendments of the Convention STCW 78/10 in Manila in 2010 has very important role in ensuring the quality of training of marine human resources to meet the requirements of the development of the social economy in general and the marine economy in particular in Vietnam. In this article, the authors focus on studying about the theory of curriculum development, then propose a process of curriculum development of Vietnam marine industry as well as recommendations in curriculum development at training facilities in Vietnam.*

KEYWORDS: Curriculum development; maritime industry; Convention.